

Bản án số: 142/2025/DSST

Ngày: 27/6/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN E, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thái H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn V

2. Bà Trần Nguyệt M

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh T - Thư ký Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng P - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2024/DSST ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2025/QĐXX-DSST ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2025/QĐST-HPT ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (tên viết tắt: B2); địa chỉ trụ sở: T, số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số A N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T, sinh năm 1964 – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ thường trú: 1606 A, khu P, đường H, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: 1606 A, khu P, đường H, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Tất Đ, ông Phạm Quốc B, ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 508/QĐ-BIDV.KHO ngày 10/6/2025). (Vắng mặt)

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số F X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: B, Vinhomes C, G Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Ông Nghiêm Thế T2, sinh năm 1971; địa chỉ: Số F X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: B, Vinhomes C, G Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2022, Bản tự khai ngày 23/4/2025, 27/6/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 trình bày:

1. Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021:

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (sau đây viết tắt là nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị Minh T1, ông Nghiêm Thế T2 (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021. Theo đó, số tiền mà nguyên đơn cho bị đơn vay là 29.500.000.000 (Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu) đồng; Ngày nhận nợ: 02/12/2021; thời hạn vay: 360 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; mục đích vay: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản tại địa chỉ khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; lãi suất cho vay trong hạn: 8,2%, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 đã giải ngân dựa trên bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021 với số tiền là 29.500.000.000 (Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu) đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/55470001/HĐBĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1526, tờ bản đồ số: 20 (A2), khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 834680, sổ vào sổ cấp GCN: CH02159/AT do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/06/2012, cập nhật chủ sở hữu ngày 26/11/2021. Công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/5547001/HĐBĐ ký ngày 30/11/2021, số công chứng 3495, quyển số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận và đã đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 30/11/2021. Hợp đồng thế chấp đã được sửa đổi bổ sung theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/5547001/HĐBĐ ngày 04/07/2022, được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận theo số công chứng 3839, quyển số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 30/11/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện trả nợ như cam kết trong Hợp đồng tín dụng nêu trên. Cụ thể từ ngày 17/02/2024, bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 vi phạm hợp đồng tín dụng dù nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 trả nợ, nhưng bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Tạm tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2025, bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 còn nợ nguyên đơn là 30.873.739.595 đồng, trong đó Nợ gốc: 27.366.220.932 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.470.927.442 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.591.221 đồng.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 30.873.739.595 đồng, trong đó Nợ gốc: 27.366.220.932 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.470.927.442 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.591.221 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021.

- Trường hợp, bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên, thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên cho nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1526, tờ bản đồ số: 20 (A2), khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 834680, sổ vào sổ cấp GCN: CH02159/AT do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/06/2012, cập nhật chủ sở hữu ngày 26/11/2021 tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương được sửa đổi bổ sung theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/5547001/HĐBĐ ngày 04/07/2022, được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận theo sổ công chứng 3839, quyển số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/11/2021 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng, bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về thời hạn thanh toán: Yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 30.873.739.595 đồng một lần ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Đối với Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (sau đây viết tắt là nguyên đơn) và ông Nghiêm Thế T2 (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký kết Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2. Theo đó, hạn mức tín dụng là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất cho vay: 16,5%, phương thức trả nợ: Bên vay phải trả lãi cho Ngân hàng nợ gốc, lãi vào ngày 04 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nghiêm Thế T2 đã không thực hiện trả nợ như cam kết trong Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên. Cụ thể từ ngày 08/7/2024, ông Nghiêm Thế T2 vi phạm hợp đồng tín dụng dù nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu ông Nghiêm Thế T2 trả nợ, nhưng ông Nghiêm Thế T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Tính đến ngày 27/6/2025, số ông Nghiêm Thế T2 còn nợ nguyên đơn số tiền là: 477.163.720 đồng, trong đó: Nợ gốc: 408.332.248 đồng; Nợ lãi: 68.831.472 đồng.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nghiêm Thế T2 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Văn bản Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 477.163.720 đồng, trong đó nợ gốc: 408.332.248 đồng, Nợ lãi: 68.831.472 đồng.

- Ông Nghiêm Thế T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Văn bản Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2.

Về thời hạn thanh toán: Yêu cầu bị đơn ông Nghiêm Thế T2 thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 477.163.720 đồng một lần ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã gửi bản tự khai và bảng kê tính gốc, lãi khoản vay, theo đó nguyên đơn xác định số tiền yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 30.873.739.595 đồng, trong đó Nợ gốc: 27.366.220.932 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.470.927.442 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.591.221 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021.

Ông Nghiêm Thế T2 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Văn bản Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 477.163.720 đồng, trong đó nợ gốc: 408.332.248 đồng, Nợ lãi: 68.831.472 đồng.

Đồng thời, tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt, đại diện nguyên đơn cũng trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập đã thể hiện:

+ Nguyên đơn và ông Nghiêm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Minh T1 có ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn

ngày 02/12/2021; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/5547001/HĐBĐ ký ngày 30/11/2021, số công chứng 3495, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận và đã đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 30/11/2021; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/5547001/HĐBĐ ngày 04/07/2022, được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận theo số công chứng 3839, quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nội dung, hình thức của hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đều phù hợp với quy định của pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

+ Nguyên đơn và ông Nghiêm Thế T2 có ký kết Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Nội dung, hình thức của hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Nghiêm Thế T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 280, 463, 466, 293, 295, 299, 317, 319, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011; các Điều 56, 58 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; mục 15 Điều 1 của Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên đề nghị buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021, Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh K; địa chỉ: A N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/10/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 khởi kiện và có Đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết tranh chấp. Như vậy, Quận E là nơi các bên ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng nên Tòa án nhân dân Quận E là nơi có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các bên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 nhưng bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về việc áp dụng pháp luật nội dung:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 210 (Quy định chuyên tiếp) Luật Các tổ chức tín dụng số 33/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024): “*...Hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Luật này, trừ trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận cấp tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng...*”. Do giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung gia hạn hợp đồng tín dụng, không có thỏa thuận về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ của hợp đồng. Do đó, Luật Các tổ chức tín dụng được áp dụng để giải quyết tranh chấp này là Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021:

Nguyên đơn đã ký kết với bị đơn Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021. Việc ký kết Hợp đồng cho vay, Bảng kê rút vốn nêu trên là tự nguyện, mục đích, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được xác lập bằng văn bản thể hiện thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay, phương thức giải ngân, phương thức trả nợ...Như vậy, hình thức và nội dung của Hợp đồng cho vay, B1 kê rút vốn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân

sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết.

[4.1.1] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc 27.366.220.932 đồng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như: Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021; Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021;

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/5547001/HĐBĐ ký ngày 30/11/2021, số công chứng 3495, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD; sửa đổi bổ sung theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/5547001/HĐBĐ ngày 04/07/2022, được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận theo số công chứng 3839, quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/11/2021 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Bảng tính nợ gốc, lãi khoản vay...đã có đủ cơ sở xác định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền là 29.500.000.000 đồng, được giải ngân theo Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021, ngày nhận nợ 02/12/2021, các bên đã thỏa thuận lịch trả nợ gốc của bị đơn cho nguyên đơn được chia làm 360 kỳ, Từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 359, ngày trả nợ: ngày 10 tháng kế tiếp kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền 82.000.000 đồng; kỳ 360 (kỳ cuối) trả nợ số tiền 62.000.000 đồng.

Tại mục 6 Hợp đồng tín dụng, các bên đã thỏa thuận: - *Bên vay cam kết trả nợ gốc cho Ngân hàng trong 360 kỳ (mỗi kỳ 1 tháng) vào ngày 10 hàng tháng....*

Tại Điều 9 Điều khoản và điều kiện vay đính kèm hợp đồng tín dụng quy định Sự kiện vi phạm, các bên đã thỏa thuận: - Bên vay được coi là vi phạm hợp đồng tín dụng trong các trường hợp sau: a) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí,...2. Khi phát sinh bất kỳ sự kiện vi phạm nào, Ngân hàng được quyền yêu cầu thu hồi nợ trước hạn.

Tuy nhiên, từ ngày 17/02/2024, bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 không trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn theo lịch trả nợ tại Hợp đồng tín dụng ngày 30/11/2021.

Nguyên đơn đã phát hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn gửi cho bị đơn để thông báo cho bị đơn biết về số dư nợ tại thời điểm phát hành thông báo.

Như đã nhận định tại mục [2] nêu trên về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 27.366.220.932 đồng. Từ đó, cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 27.366.220.932 đồng cho nguyên đơn, điều này là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng cho vay cũng như trong Bảng kê rút vốn cũng như phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 280, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

[4.1.2] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày

xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025) là 3.507.518.663 đồng, trong đó:

- Tiền lãi trong hạn: 3.470.927.442 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 36.591.221 đồng;

Xét thỏa thuận về lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Theo quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1) quy định: *“1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng N1. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”*.

Theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (có hiệu lực từ ngày 15/3/2019) thì: *Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.*

Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”* .:

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021, các bên đã thỏa thuận về lãi suất như sau: lãi suất cho vay trong hạn: áp dụng lãi suất 9%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên; sau đó, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động vốn cá nhân niêm yết tại quầy kỳ hạn 12 tháng (quy về trả lãi cuối kỳ) tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3,5%/năm cho đến hết ngày 31/12/2022; kể từ ngày 01/01/2023, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần vào các ngày 01/01 và 01/07 hàng năm, lãi suất các kỳ điều chỉnh bằng lãi suất huy động vốn cá nhân niêm yết tại quầy kỳ hạn 12 tháng (quy về trả lãi cuối kỳ) tại thời điểm điều chỉnh + biên độ tối thiểu 3,5%/năm; khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất ngân hàng được quyền tự động điều chỉnh lãi suất mà không cần phải ký kết các phụ lục hợp đồng về điều chỉnh lãi suất với bên vay; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bên vay phải trả lãi cho Ngân hàng lãi vay và nợ gốc như sau: Kỳ hạn trả lãi vay: 01 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên là ngày 30/12/2021, các ngày trả lãi vay tiếp theo là ngày 10 hàng tháng, ngày trả lãi vay cuối cùng là ngày kết thúc thời hạn vay nêu trên. Về nợ gốc: Nợ gốc được trả nhiều lần theo kỳ, cụ thể: Từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 359, ngày trả nợ: ngày 10 tháng kế tiếp kể từ ngày giải ngân đầu tiên ngày 30/11/2021, số tiền 82.000.000 đồng; kỳ 360 (kỳ cuối) trả nợ số tiền 62.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thỏa thuận của các bên về lãi suất (lãi suất cho vay, lãi suất trên nợ gốc quá hạn, lãi suất chậm trả lãi) là phù hợp với các quy định pháp luật đã viện dẫn nêu trên về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 27/6/2025 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021 là: 30.873.739.595 đồng, trong đó nợ gốc: 27.366.220.932 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.470.927.442 đồng, nợ lãi quá hạn: 36.591.221 đồng. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận cụ thể về việc trả lãi, lãi suất, do đó tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4.1.3] Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của bị đơn là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1526, tờ bản đồ số: 20 (A2), khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 834680, số vào sổ cấp GCN: CH02159/AT do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/06/2012, cập nhật chủ sở hữu ngày 26/11/2021. Công chứng thể chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/5547001/HĐBĐ ký ngày 30/11/2021, số công chứng 3495, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận, sửa đổi bổ sung theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/5547001/HĐBĐ ngày 04/07/2022, được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận theo số công chứng 3839, quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD.

Xét Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/11/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương đúng theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 08/5/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 là chủ sở hữu, sử dụng và quản lý đối với tài sản thế chấp không có mặt. Hiện trạng đất trống, không có công trình, hoa màu, người sinh sống cư trú trên đất. Hiện trạng đất đúng với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 834680, số vào sổ cấp GCN CH02159/AT do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/06/2012, cập nhật biến động ngày 26/11/2024 không có gì thay đổi.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/5547001/HĐBĐ ngày 30/11/2021 được ký kết giữa bên nhận bảo đảm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 – Chi nhánh K và bên bảo đảm bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 thì tài sản bảo đảm nêu trên sẽ bảo đảm Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/5547001/HĐBĐ ký ngày 30/11/2021, số công chứng 3495, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD; sửa đổi bổ

sung theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/5547001/HĐBĐ ngày 04/07/2022, được Văn phòng C, tỉnh Bình Dương chứng nhận theo số công chứng 3839, quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/11/2021 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/5547001/HĐBĐ ngày 30/11/2021, các bên đã thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo bất kỳ hợp đồng cấp tín dụng nào mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ,...

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thế chấp cũng như phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 293, 295, 299, 317, 319 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 56, 58 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; mục 15 Điều 1 của Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên dùng để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn; nếu thừa sẽ được trả lại cho bị đơn, nếu thiếu thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

[4.2] Đối với Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

[4.2.1] Về hiệu lực của Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Nguyên đơn và ông Nghiêm Thế T2 đã ký kết Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Việc ký kết văn bản nêu trên là tự nguyện, mục đích, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được xác lập bằng văn bản thể hiện thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay,...Như vậy, hình thức và nội dung của văn bản nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết.

[4.2.2] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc 408.332.248 đồng, tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025) là 68.831.472 đồng

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như: Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức cấp tín dụng là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; các bên đã thỏa thuận lịch trả nợ gốc của bị đơn cho nguyên đơn là ngày 04 hàng tháng;

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Theo quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1) quy định: “1. *Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng N1.* 2. *Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”.

Theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (có hiệu lực từ ngày 15/3/2019) thì: *Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.*

Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... ”.* :

Như đã nhận định tại mục [2] nêu trên về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Nghiêm Thế T2 còn nợ nguyên đơn là toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 27/6/2025 theo Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 ngày 21/12/2015 là: 477.163.720 đồng, trong đó nợ gốc: 408.332.248 đồng, nợ lãi: 68.831.472 đồng. Từ đó, cần buộc ông T2 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 27/6/2025 là: 477.163.720 đồng cho nguyên đơn, điều này là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cũng như phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 280, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận cụ thể về việc trả lãi, lãi suất, do đó tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nghiêm Thế T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 30.873.739.595 (*Ba mươi tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng*) đồng là 138.873.740 (*Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi*) đồng.

Ông Nghiêm Thế T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 477.163.720 (*Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi*) đồng là 23.086.556 (*Hai mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi sáu*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên ông Nghiêm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Minh T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, cần buộc ông Nghiêm Thế T2 và bà Nguyễn Thị Minh T1 phải hoàn trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[6] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[7] Như vậy, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 157; Điều 266 và khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 280, 292, 293, 295, 299, 317, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 8, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

1.1. Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền còn nợ (bao gồm nợ gốc và nợ lãi) tạm tính đến ngày 27/6/2025 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021 là 30.873.739.595 (*Ba mươi tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng*) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc: 27.366.220.932 đồng; tiền lãi trong hạn: 3.470.927.442 đồng; tiền lãi quá hạn: 36.591.221 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5547001/HĐTD ngày 30/11/2021 và Bảng kê rút vốn ngày 02/12/2021. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 thanh toán hết toàn bộ số nợ (gốc và lãi) thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 có trách nhiệm hoàn trả lại bản chính giấy tờ pháp lý liên quan đến tài sản thế chấp cho bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 834680, sổ vào sổ cấp GCN: CH02159/AT do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/06/2012, cập nhật chủ sở hữu ngày 26/11/2021.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc và nợ lãi) thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2021/55470001/HĐBĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, được công chứng theo số công chứng 3495, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/11/2021 tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương, sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2022/5547001/HĐBĐ ngày 04/07/2022, được công chứng theo số công chứng 3839, quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/11/2021 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1526, tờ bản đồ số: 20 (A2), khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 834680, sổ vào sổ cấp GCN: CH02159/AT do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/06/2012, cập nhật chủ sở hữu ngày 26/11/2021).

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên dùng để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1; nếu thừa sẽ được trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2, nếu thiếu bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

1.2. Đối với Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Buộc bị đơn ông Nghiêm Thế T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền còn nợ (bao gồm nợ gốc và nợ lãi) tạm tính đến ngày 27/6/2025 phát sinh từ Văn bản Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF:B2 ngày 21/12/2015 là 477.163.720 (*Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi*) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc: 408.332.248 đồng; tiền lãi vay: 68.831.472. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 28/6/2025 cho đến ông Nghiêm Thế T2 trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Văn bản Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01AF: B2 ngày 21/12/2015. Trường hợp trong văn bản, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông Nghiêm Thế T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 30.873.739.595 (*Ba mươi tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng*) đồng là 138.873.740 (*Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi*) đồng.

Ông Nghiêm Thế T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 477.163.720 (*Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi*) đồng là 23.086.556 (*Hai mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi sáu*) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 68.810.159 (*Sáu mươi tám triệu, tám trăm mười nghìn, một trăm năm mươi chín*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036386 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Minh T1 và ông Nghiêm Thế T2 phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng. Đôi bên tự hoàn tiền hoặc thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Quận E;
- Chi cục THADS Quận E;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thái H